TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 50/2019/QĐST-HNGĐ	*Tân Phú, ngày 28 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ

Căn cứ Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 1232/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1979;

Địa chỉ: 258/13 Vườn Lài, phường P, quận Tân Phú, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị Kim Ph, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Căn 11.05 Lô M chung cư Bàu Cát 2, phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông bà tự nguyện chung sống vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01/2009 ngày 15/6/2009.

Quá trình sống chung, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng 05 năm trở lại đây thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống không phù hợp, thường xuyên cãi vả nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Nay hai bên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết được, vợ chồng không còn cuộc sống chung nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông D và bà Ph cùng xác nhận có 01 con chung tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/11/2010. Hai bên thỏa thuận bà Ph được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, đóng vào ngày đầu hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

[3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành,

không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim Ph thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim Ph (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 137, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/6/2009) chấm dứt kể từ ngày quyết định ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Hai bên thỏa thuận bà Ph được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 13/11/2010, ông D cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, đóng vào ngày đầu hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 02/2019 cho đến khi con chung trưởng thành.

+ Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng do các bên tự thỏa thuận. Nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông D và bà Ph cùng xác nhận không có.

- Về các vấn đề khác: Ông D và bà Ph cùng xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm**:** Lệ phí ly hôn là 300.000 đồng do ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị Kim Ph chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà ông D và bà Ph đã nộp theo Biên lai thu số 0012303 ngày 21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú;
- Ủy ban nhân dân phường 10, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS quận Tân Phú;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Tuyết Nhung